| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi
2. Ông Hồ Đắc Minh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 43/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2023; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Ngọc G, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B; Tạm trú: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1992; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Lương Thị Ngọc G có mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Duy P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 02 năm 2023, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị Ngọc G trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Ngọc G và ông Nguyễn Duy P chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh B vào ngày 22/02/2016. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà Lương Thị Ngọc G quyết định làm đơn ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Giàu và ông Phương có 02 người con chung tên Nguyễn Anh M, sinh ngày 21/10/2016 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 04/11/2020. Bà Lương Thị Ngọc G yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Duy P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Nguyễn Duy P thể hiện:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Nguyễn Duy P biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Duy P vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà G có mặt, bị đơn ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Duy P.

Về nội dung vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn bà G là có cơ sở chấp nhận và giao 02 con chung tên Nguyễn Anh M, sinh ngày 21/10/2016 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 04/11/2020 cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà G về việc không yêu cầu ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Lương Thị Ngọc G khởi kiện ông Nguyễn Duy P về việc ly hôn. Ông Nguyễn Duy P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh B theo Giấy xác nhận thông tin về cư trú số 000254/XN ngày 09/02/2023 của Công an xã T, huyện D, tỉnh B. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Duy P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Duy P theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Lương Thị Ngọc G và ông Nguyễn Duy P chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện D, tỉnh B vào ngày 22/02/2016. Quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nhau với nhau, bất đồng quan điểm và không có hạnh phúc, cuộc sống tẻ nhạt và mệt mỏi nên bà G quyết định ly hôn với ông P. Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"*. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo 02 lần tạo điều kiện cho bị đơn ông Nguyễn Duy P hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh ông Nguyễn Duy P không muốn đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Đồng thời tại biên bản xác minh ngày 23/02/2023 của Tòa án đối với Ủy ban nhân dân xã T, huyện D xác định: Thời gian năm 2022 cho đến nay phía ông Nguyễn Duy P có nợ tiền của nhiều người và những người này có tìm kiếm đòi nợ nhưng không có gặp mặt ông P. Vì vậy, cuộc sống gia đình vợ, con củ ông P bị ảnh hưởng khiến cho bà Lương Thị Ngọc G phải thay đổi chỗ ở đến sinh sống tại ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh B; điều này chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng với nhau, ảnh hưởng đến cuộc sống hai bên. Xét tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà G đối với ông P là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa bà G và ông P có 02 người con chung tên Nguyễn Anh M, sinh ngày 21/10/2016 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 04/11/2020. Hiện nay cháu M và cháu T đang chung sống với bà G; vì vậy bà G yêu cầu chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, cháu T và không yêu cầu ông P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét, hiện nay cháu Nguyễn Anh T chưa đủ 03 tuổi theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì do người vợ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu M và cháu T cho bà G chăm

sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận sự tự nguyện của bà G về việc không yêu cầu ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà G không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lương Thị Ngọc G phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Ngọc G đối với ông Nguyễn Duy P về việc "Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Ngọc G ly hôn với ông Nguyễn Duy P.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Anh M, sinh ngày 21/10/2016 và Nguyễn Anh T, sinh ngày 04/11/2020 cho bà Lương Thị Ngọc G chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lương Thị Ngọc G không yêu cầu ông Nguyễn Duy P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn thì bà Lương Thị Ngọc G và ông Nguyễn Duy P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lương Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011408 ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Thanh Tuyền (Giấy CNKH số 18 ngày 22/02/2016);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Xuân Nam**